BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 37 /GCN-BXD	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét Công văn xin đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC 14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng Thủy Lợi Việt Nam-CTCP tại Hà Nội ngày 11 tháng 01 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC 14) - Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng Thủy Lợi Việt Nam-CTCP tại Hà Nội

Địa chỉ: Số 95/8/116 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội

Mã số thuế: 0100103175-004

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Địa chỉ: Số 95/8/116 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 119**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế quyết định 1055/QĐ-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

Nơi nhận:
- Công ty tư vấn địa kỹ thuật (HEC 14)-Chi nhánh Tổng Công ty tư vấn xây dựng Thủy Lợi Việt Nam-CTCP tại Hà Nội;
- Sở XD Hà Nội;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 119

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 37 /GCN-BXD, ngày 18 tháng 01 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
5	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:93
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
7	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
10	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
13	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:93
14	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
15	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
16	Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06
17	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
18	Xác định khối lượng LR; Khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
19	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:06
20	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
21	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
22	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
23	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
24	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
25	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
26	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
27	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:06
28	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:06
29	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit	TCVN 7572-16:06
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
31	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:06
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
33	Hàm lượng Nhôm Oxit (Al_2O_3); Hàm lượng sắt III Oxit (Fe_2O_3)	TCVN 7131:02
34	Hàm lượng Canxi oxit (CaO); Hàm lượng magie oxit (MgO)	TCVN 7131:02
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012

38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
41	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06
44	XĐ các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	ASTM D2850 - 95
45	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166 - 01
46	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434 - 00
47	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
48	Xác định đăc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
49	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
50	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
51	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726 : 2012
52	Xác định thành phần và hàm lượng muối hòa tan	TCVN 8727 : 2012
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
53	Xác định độ ẩm của đất	TCVN 8728 : 2012
54	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729 : 2012
55	Phương pháp thử nghiệm xác định Modunl đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
56	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
57	Thí nghiệm xuyên vít	TCXD 112:84
58	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573-94
59	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
60	Xác định độ thấm nước của đất bằng đổ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:2012
61	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp ép nước vào hố khoan	TCVN 9149:2012
62	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**	
63	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
64	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
65	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
66	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
67	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03
68	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
69	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
70	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
71	Xác định độ pH	TCXD 81:81
72	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCXD 81:81
73	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO_4^{2-})	TCXD 81:81
74	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCXD 81:81
75	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCXD 81:81
76	Cabonic (CO_2) tự ăn mòn	TCXD 81:81
77	Độ Cacbonat; độ cứng toàn phần; độ cứng không cacbonat	TCXD 81:81
78	Bicacbonat (HCO_3^-) và cacbonat (CO_3^{2-}); amoni (NH_4^+)	TCXD 81:81
79	Xác định hàm lượn Canxi (Ca^{2+}), Ma giê (Mg^{2+}), độ oxy hóa COD	TCXD 81:81

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.